

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA SÀI GÒN - QUẢNG NGÃI
SAI GON - QUANG NGAI BEER
JOINT STOCK COMPANY**

Số/ No.: 190/2025/CV-BSGQN

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Liberty - Happiness**

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 10 năm 2025
Quang Ngai, July 20th, 2025

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
INFORMATION DISCLOSURE
FINANCIAL STATEMENT**

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

To:

- *The State Securities Commission*
- *Hanoi Stock Exchange*



Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Pursuant to Clause 3, Article 14 of Circular no. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance providing guidelines on disclosure of information on securities market.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý 3 năm 2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Sai Gon - Quang Beer Joint Stock Company Ngai discloses the Financial Statements for the third quarter of 2025 to the Hanoi Stock Exchange as follows:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Organization's name: Sai Gon - Quang Ngai Beer Joint Stock Company

- Mã chứng khoán/ Stock symbol: **BSQ**
- Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Quảng Phú, Phường Nghĩa Lộ, Tỉnh Quảng Ngãi.
Address: Quang Phu Industrial Zone, Nghia Lo Ward, Quang Ngai Province.
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0255.6250905
- Email: beer@sabecoquangngai.com.vn; Website: www.sabecoquangngai.com.vn.

2. Nội dung thông tin công bố/ Information to be disclosed:

- **BCTC Quý 3 năm 2025.**
Financial Statements for the third quarter of 2025

- ☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

Separate financial statements (Listed organization has no subsidiaries and superior accounting units have affiliated units);

- ☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

Consolidated financial statements (Listed organization has subsidiaries);

- ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

General financial statements (Listed organization has an affiliated accounting unit that organizes its own accounting apparatus).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

Cases subject to explanation of reasons

- Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán):

The auditing organization gives an opinion that is not a full acceptance opinion on the financial statements (for audited financial statements):

Có/ Yes

☐

Không/ No

☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có

Written explanation if tick "Yes"

Có/ Yes

☐

Không/ No

☐

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán):

Profit after tax in the reporting period has a difference of 5% or more before and after the audit, from loss to profit or vice versa (for audited financial statements):

Có/ Yes

☐

Không/ No

☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có

Written explanation if tick "Yes"

Có/ Yes

☐

Không/ No

☐

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Profit after corporate income tax in the business performance results report of the reporting period changes by 10% or more compared to the same period report of the previous year

Có/ Yes

☒

Không/ No

☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Written explanation if tick "Yes"

Có/ Yes

☒

Không/ No

☐

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Profit after tax in the reporting period is lost, converted from profit in the same period last year to loss in this period or vice versa:

Có/ Yes ☐

Không/ No ☒

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Written explanation if tick "Yes"

Có/ Yes ☐

Không/ No ☐

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/10/2025 tại đường dẫn: www.sabecoquangngai.com.vn.

This information is disclosed on the company's website on October 20th, 2025 at www.sabecoquangngai.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

We hereby declare that all information provided above is true and accurate and shall be legally responsible for the accuracy of our information disclosure.

Tài liệu đính kèm/ Attachment:

- BCTC Quý 3/2025.
Financial Statements for the Third Quarter of 2025.

Đại diện tổ chức

Organization Representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT

Legal Representative/ Authorized person to disclose information



GIÁM ĐỐC
Bùi Thị Như



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Báo cáo tài chính Quý 3 kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2025

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Ban Điều hành

Bà Bùi Thị Nhựt
Ông Nguyễn Văn Hùng
Ông Nguyễn Mạnh Hùng
Ông Võ Thanh Cường

Giám đốc
Phó Giám đốc
Phó Giám đốc
Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

Khu Công nghiệp Quảng Phú, Phường Nghĩa Lộ,
Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2025

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2025 VND	1/1/2025 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		290.169.933.593	448.998.204.247
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	59.791.571.913	37.710.615.164
Tiền	111		5.591.571.913	37.710.615.164
Các khoản tương đương tiền	112		54.200.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		60.214.654.517	225.567.016.808
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	55.431.129.278	225.024.381.858
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	4.586.134.902	436.922.558
Phải thu ngắn hạn khác	136		197.390.337	105.712.392
Hàng tồn kho	140	11(a)	167.404.924.513	182.687.390.940
Hàng tồn kho	141		167.746.883.043	183.036.156.466
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(341.958.530)	(348.765.526)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.758.782.650	3.033.181.335
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.758.782.650	2.470.001.473
Thuế phải thu Nhà nước	153		-	563.179.862
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 260)	200		800.805.591.512	881.934.974.598
Tài sản cố định	220		660.821.025.731	741.488.102.823
Tài sản cố định hữu hình	221	12	660.767.389.601	741.410.330.435
Nguyên giá	222		2.015.695.108.660	2.011.909.088.660
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.354.927.719.059)	(1.270.498.758.225)
Tài sản cố định vô hình	227		53.636.130	77.772.388
Nguyên giá	228		519.545.034	519.545.034
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(465.908.904)	(441.772.646)
Tài sản dở dang dài hạn	240		18.037.766.265	14.435.516.699
Xây dựng cơ bản dở dang	242	13	18.037.766.265	14.435.516.699
Tài sản dài hạn khác	260		121.946.799.516	126.011.355.076
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	113.603.986.044	118.928.709.124
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.137.936.158	2.666.760.635
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	11(b)	5.204.877.314	4.415.885.317
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.090.975.525.105	1.330.933.178.845

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2025 VND	1/1/2025 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		258.229.549.304	493.995.757.281
Nợ ngắn hạn	310		258.229.549.304	493.995.757.281
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	26.240.028.914	49.265.381.883
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		14.507.465	27.423.572
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	196.498.885.340	216.649.644.530
Phải trả người lao động	314		2.636.329.528	3.489.597.698
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	8.889.408.980	8.907.652.469
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	17.627.541.662	19.265.140.607
Vay ngắn hạn	320		-	189.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	6.322.847.415	7.390.916.522
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		832.745.975.801	836.937.421.564
Vốn chủ sở hữu	410	20	832.745.975.801	836.937.421.564
Vốn cổ phần	411	21	450.000.000.000	450.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		450.000.000.000	450.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	23	36.600.250.272	36.600.250.272
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		346.145.725.529	350.337.171.292
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		304.819.000.731	279.457.411.486
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong kỳ này/năm trước	421b		41.326.724.798	70.879.759.806
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.090.975.525.105	1.330.933.178.845

Ngày 20 tháng 10 năm 2025

Người duyệt:

Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Người lập:

Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý 3/2025

ĐVT: đồng

Chỉ Tiêu	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 3/2025	QUÝ 3/2024	Lũy kế tại ngày 30/09/2025	Lũy kế tại ngày 30/09/2024
A	B	C	1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	399,430,272,861	418,509,058,606	1,224,637,699,902	1,427,596,286,676
2. Các khoản giảm trừ	02	25	139,513,440	194,029,090	306,332,400	393,013,050
3. Doanh thu thuần và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		399,290,759,421	418,315,029,516	1,224,331,367,502	1,427,203,273,626
4. Giá vốn hàng bán	11	26	362,124,529,493	399,337,912,758	1,144,472,607,951	1,321,782,244,316
5. Lợi tức gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		37,166,229,928	18,977,116,758	79,858,759,551	105,421,029,310
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	751,762,919	671,817,842	1,421,649,263	7,738,990,063
7. Chi phí tài chính	22	28	325,856,986	2,111,989,386	2,600,241,015	6,241,872,907
Trong đó: Lãi vay phải trả:	23	28	325,856,986	1,810,708,677	2,584,897,485	5,940,496,441
8. Chi phí bán hàng	25	29	2,683,873,783	3,590,554,485	7,973,185,790	9,869,088,378
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	3,212,149,338	3,257,628,245	9,807,177,812	8,975,479,960
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31,696,112,740	10,688,762,484	60,899,804,197	88,073,578,128
11. Thu nhập khác	31		281,898,605	346,957,536	915,402,318	874,549,180
12. Chi phí khác	32		199,346,717	3,239,511,087	623,258,241	3,764,262,504
13. Kết quả từ các hoạt động khác (40=31-32)	40		82,551,888	(2,892,553,551)	292,144,077	(2,889,713,324)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		31,778,664,628	7,796,208,933	61,191,948,274	85,183,864,804
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	7,023,011,905	2,345,789,505	15,150,040,027	17,981,228,336
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	(298,250,318)	(134,171,980)	(471,175,523)	(165,797,131)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		25,053,903,041	5,584,591,408	46,513,083,770	67,368,433,599
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		518	85	918	1,378

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 10 năm 2025

Người duyệt
Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Người lập
Vũ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30
tháng 9 năm 2025

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày	
			30/9/2025 VND	30/9/2024 VND
Doanh thu bán hàng	01	25	1.224.637.699.902	1.427.596.286.676
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	306.332.400	393.013.050
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	25	1.224.331.367.502	1.427.203.273.626
Giá vốn hàng bán	11	26	1.144.472.607.951	1.321.782.244.316
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		79.858.759.551	105.421.029.310
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	1.421.649.263	7.738.990.063
Chi phí tài chính	22	28	2.600.241.015	6.241.872.907
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.584.897.485	5.940.496.441
Chi phí bán hàng	25	29	7.973.185.790	9.869.088.378
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	9.807.177.812	8.975.479.960
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		60.899.804.197	88.073.578.128
Thu nhập khác	31		915.402.318	874.549.180
Chi phí khác	32		623.258.241	3.764.262.504
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		292.144.077	(2.889.713.324)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		61.191.948.274	85.183.864.804
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	15.150.040.027	17.981.228.336
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	32	(471.175.523)	(165.797.131)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		46.513.083.770	67.368.433.599
Lãi trên cổ phiếu			(điều chỉnh lại)	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	918	1.378



Ngày 20 tháng 10 năm 2025

Người duyệt:

Bùi Thị Nhựt
 Giám đốc

Người lập:

Võ Thanh Cường
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

		Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày	
		30/9/2025	30/9/2024
		VND	VND
Mã số	Thuyết minh		
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	61.191.948.274	85.183.864.804
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	84.453.097.092	95.658.692.517
Các khoản dự phòng	03	2.357.666.716	821.153.716
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các		(1.226.705)	7.831.940
khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(536.864.228)	(3.053.539.449)
Chi phí lãi vay	06	2.584.897.485	5.940.496.441
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	150.049.518.634	184.558.499.969
Biến động các khoản phải thu	09	169.635.907.068	(25.195.639.603)
Biến động hàng tồn kho	10	12.135.807.714	21.038.946.967
Biến động các khoản phải trả và			
nợ phải trả khác	11	(49.600.540.274)	(11.265.051.572)
Biến động chi phí trả trước	12	1.751.131.910	1.522.758.167
		283.971.825.052	170.659.513.928
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.209.585.754)	(5.043.378.632)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.214.287.479)	(25.572.544.968)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	7.020.000	5.400.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.381.098.640)	(7.011.281.495)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	265.173.873.179	133.037.708.833
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(8.328.747.493)	(127.113.592.111)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	-	(88.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn			
vị khác	24	-	58.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	521.221.763	2.926.655.065
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7.807.525.730)	(156.354.909.190)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày	
		30/9/2025 VND	30/9/2024 VND

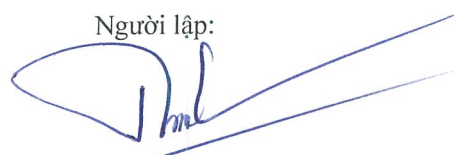
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33	797.400.000.000	1.017.200.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(986.400.000.000)	(1.129.300.000.000)
Tiền chi trả cổ tức	36	(46.285.109.500)	(71.134.737.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(235.285.109.500)	(183.234.737.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	22.081.237.949	(206.551.937.857)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	37.710.615.164	266.189.958.489
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền	61	(281.200)	116.516
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	59.791.571.913	59.638.137.148

Ngày 20 tháng 10 năm 2025

Người duyệt:

Bùi Thị Nhựt
Giám đốc

Người lập:

Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 28 tháng 2 năm 2017, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM) với mã giao dịch là BSQ.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát; sản xuất kinh doanh đồ uống chứa cồn và kinh doanh kho bãi.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, Công ty có 205 nhân viên (1/1/2025: 205 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính quý 3 được lập cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính Quý 3 này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính Quý 3 này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 năm
▪ tài sản khác	2 – 10 năm

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 41 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(k) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính giữa niên độ và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(n) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia. Các hoạt động khác bao gồm kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ kho bãi. Ban Quản lý cho rằng các mảng kinh doanh này không chịu ảnh hưởng đáng kể của biến động theo mùa.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi

Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính Quý 3, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có thay đổi đáng kể nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính được lập trong báo cáo tài chính thường niên gần đây nhất hoặc các ước tính được lập trong cùng kỳ giữa niên độ của năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có thay đổi đáng kể nào trong thành phần của Công ty kể từ khi kết thúc kỳ kế toán thường niên gần nhất ảnh hưởng đến báo cáo tài chính tạm thời của Công ty trong giai đoạn chín tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 9 năm 2025.

7. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Các hoạt động khác là kinh doanh hàng hóa và cung cấp dịch vụ kho bãi. Trong kỳ, không diễn ra hoạt động kinh doanh nào khác ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 và ngày 1 tháng 1 năm 2025 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 đều liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Công ty dựa trên vị trí địa lý của khách hàng, bao gồm khách hàng trong nước và khách hàng nước ngoài, trong đó doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu của Công ty và không phải là một bộ phận trọng yếu cần báo cáo riêng. Do đó, thông tin tài chính được báo cáo chủ yếu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong lãnh thổ Việt Nam.

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/9/2025	1/1/2025
	VND	VND
Tiền mặt	76.421.177	55.837.045
Tiền gửi ngân hàng	5.515.150.736	37.654.778.119
Các khoản tương đương tiền	54.200.000.000	-
	59.791.571.913	37.710.615.164

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2025, các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng có kỳ hạn gốc là một tháng. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được hưởng lãi suất 4,75% mỗi năm (1/1/2025: Không).

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	30/9/2025 VND	1/1/2025 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	49.484.111.665	211.947.177.947
International Consolidated Business Pty Ltd	4.856.391.096	11.119.820.747
Các khách hàng khác	1.090.626.517	1.957.383.164
	55.431.129.278	225.024.381.858

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/9/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	49.484.111.665	211.947.177.947
Công ty liên quan		
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	19.435.140	-
Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn - Sông Lam	-	61.398.000

Khoản phải thu thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả là 3 đến 15 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

10. Trả trước cho người bán**Trả trước cho người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	30/9/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty TNHH Cơ nhiệt điện lạnh Bách Khoa	3.078.000.000	-
Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thiết Kế Xd Và Kiểm Định		
Bách Khoa Việt	651.000.000	25.785.455
Các nhà cung cấp khác	857.134.902	411.137.103
	4.586.134.902	436.922.558

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 là 3,728 triệu VND tiền trả trước để mua tài sản cố định (1/1/2025: 26 triệu VND).

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Hàng tồn kho****(a) Hàng tồn kho**

	30/9/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	82.050.952.065	-	88.427.355.761	-
Công cụ và dụng cụ	9.345.524.941	(341.958.530)	10.610.600.389	(348.765.526)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	30.707.595.130	-	36.764.177.458	-
Thành phẩm	45.642.810.907	-	47.212.513.058	-
Hàng hóa	-	-	21.509.800	-
	167.746.883.043	(341.958.530)	183.036.156.466	(348.765.526)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/9/2025 VND	30/9/2024 VND
Số dư đầu kỳ	348.765.526	386.969.747
Dự phòng trích lập trong kỳ	50.506.048	-
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(57.313.044)	(112.790.784)
Số dư cuối kỳ	341.958.530	274.178.963

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn**

	30/9/2025		1/1/2025	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	20.392.023.415	(15.187.146.101)	17.238.557.706	(12.822.672.389)

Biến động của dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/9/2025 VND	30/9/2024 VND
Số dư đầu kỳ	12.822.672.389	10.857.108.802
Dự phòng trích lập trong kỳ	2.399.893.028	1.327.950.572
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(35.419.316)	(394.006.072)
Số dư cuối kỳ	15.187.146.101	11.791.053.302

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	336.599.223.207	1.664.045.311.312	9.520.927.538	1.198.726.550	544.900.053	2.011.909.088.660
Tăng trong kỳ	-	1.890.020.000	-	-	-	1.890.020.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	1.896.000.000	-	-	-	-	1.896.000.000
Số dư cuối kỳ	338.495.223.207	1.665.935.331.312	9.520.927.538	1.198.726.550	544.900.053	2.015.695.108.660
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	155.118.354.079	1.104.900.908.408	8.904.855.535	1.091.602.226	483.037.977	1.270.498.758.225
Khấu hao trong kỳ	10.287.550.442	73.889.534.751	125.074.926	103.602.436	23.198.279	84.428.960.834
Số dư cuối kỳ	165.405.904.521	1.178.790.443.159	9.029.930.461	1.195.204.662	506.236.256	1.354.927.719.059
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	181.480.869.128	559.144.402.904	616.072.003	107.124.324	61.862.076	741.410.330.435
Số dư cuối kỳ	173.089.318.686	487.144.888.153	490.997.077	3.521.888	38.663.797	660.767.389.601

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 9 năm 2025 có các tài sản có nguyên giá 936.504 triệu VND (1/1/2025: 34.710 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày	
	30/9/2025	30/9/2024
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	14.435.516.699	9.798.307.815
Tăng trong kỳ	2.735.512.948	3.137.729.313
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	2.762.736.618	3.050.823.330
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.896.000.000)	(2.568.284.869)
Giảm khác	-	(3.050.823.330)
Số dư cuối kỳ	18.037.766.265	10.367.752.259

Công trình xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	30/9/2025	1/1/2025
	VND	VND
Dự án Nguyễn Thụy - nhà cửa, vật kiến trúc	17.970.484.784	10.367.752.259
Khác	67.281.481	-
	18.037.766.265	10.367.752.259

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí lãi vay trả trước VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	112.819.751.504	5.586.884.245	522.073.375	118.928.709.124
Tăng trong kỳ	-	195.840.000	-	195.840.000
Chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	(2.762.736.618)	-	-	(2.762.736.618)
Phân bổ trong kỳ	-	(2.235.753.087)	(522.073.375)	(2.757.826.462)
Số dư cuối kỳ	110.057.014.886	3.546.971.158	-	113.603.986.044

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Bàn hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***15. Phải trả người bán****(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	30/9/2025 VND	1/1/2025 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	12.866.729.502	34.567.698.610
Công ty Cổ phần Hanacans	3.773.839.064	4.105.348.563
Công Ty TNHH Thương Mại Và Vận Tải Thái Tân	1.697.941.155	1.241.012.172
Công ty TNHH MTV Hà Tân	1.427.384.817	1.984.613.814
Công ty TNHH Thịnh Đức	1.299.212.148	1.034.000.000
Các nhà cung cấp khác	5.174.922.228	6.211.964.724
	26.240.028.914	49.265.381.883

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	30/9/2025 VND	1/1/2025 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	12.866.729.502	34.567.698.610
Công ty liên quan		
Công ty TNHH MTV Cơ khí Sa Be Co	321.088.320	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	2.587.492	6.166.936

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2025 VND	Số phát sinh trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	Số cần trừ trong kỳ VND	30/9/2025 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	186.308.371.146	1.120.956.390.312	(1.202.088.988.994)	-	105.175.772.464
Thuế giá trị gia tăng	22.531.830.724	228.224.898.256	(85.571.621.119)	(86.713.680.709)	78.471.427.152
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.809.254.871	15.150.040.027	(10.214.287.479)	-	12.745.007.419
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.885.144.287	(2.215.896.830)	(563.179.862)	106.067.595
Thuế nhập khẩu	-	7.018.790	(7.018.790)	-	-
Các loại thuế khác	187.789	8.059.729	(7.636.808)	-	610.710
	216.649.644.530	1.367.231.551.401	(1.300.105.450.020)	(87.276.860.571)	196.498.885.340

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	30/9/2025 VND	1/1/2025 VND
Chi phí lãi vay	8.334.895.505	8.481.657.149
Thù lao Hội đồng Quản trị	179.399.999	-
Chi phí khác	375.113.476	425.995.320
	8.889.408.980	8.907.652.469

18. Phải trả ngắn hạn khác

	30/9/2025 VND	1/1/2025 VND
Cổ tức phải trả	14.868.960.000	16.154.069.500
Phải trả khác	2.758.581.662	3.111.071.107
	17.627.541.662	19.265.140.607

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/9/2025 VND	30/9/2024 VND
Số dư đầu kỳ	7.390.916.522	6.859.459.423
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 20)	4.787.838.972	4.633.499.997
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 20)	518.170.561	1.005.776.094
Tiền thu khác	7.020.000	5.400.000
Sử dụng trong kỳ	(6.381.098.640)	(7.011.281.495)
Số dư cuối kỳ	6.322.847.415	5.492.854.019

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi
Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	450.000.000.000	36.600.250.272	347.963.187.580	834.563.437.852
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	67.368.433.599	61.783.842.191
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19)	-	-	(4.633.499.997)	(3.088.999.998)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023 (Thuyết minh 19)	-	-	(1.005.776.094)	(1.005.776.094)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(354.426.300)	(236.284.200)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(67.500.000.000)	(67.500.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2024	450.000.000.000	36.600.250.272	341.837.918.788	824.516.219.751
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	32.661.894.607	32.661.894.607
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(1.544.500.003)	(1.544.500.003)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(118.142.100)	(118.142.100)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(22.500.000.000)	(22.500.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	450.000.000.000	36.600.250.272	350.337.171.292	836.937.421.564
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	46.513.083.770	46.513.083.770
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 199)	-	-	(4.787.838.972)	(4.787.838.972)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024 (Thuyết minh 19)	-	-	(518.170.561)	(518.170.561)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	(398.520.000)	(265.680.000)
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(45.000.000.000)	(45.000.000.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2025	450.000.000.000	36.600.250.272	346.145.725.529	832.745.975.801



Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/9/2025 và 1/1/2025	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	45.000.000	450.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong các giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024.

22. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty ngày 4 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt cổ tức cho các cổ đông là 67.500 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024, trong đó tạm ứng cổ tức 22.500 triệu VND cho cổ đông năm 2024 (kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024: 67.500 triệu VND (tương đương 1.500 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023).

23. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/9/2025 VND	1/1/2025 VND
Trong vòng một năm	3.408.321.286	3.408.321.286
Từ hai đến năm năm	13.633.285.144	13.633.285.144
Trên năm năm	59.547.574.906	62.096.812.471
	<hr/>	<hr/>
	76.589.181.336	79.138.418.901

(b) Ngoại tệ

	30/9/2025		1/1/2025	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	417,32	10.936.288	119.437	3.015.897.879

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/9/2025 VND	1/1/2025 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	154.607.811.841	27.859.309.853
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	9.521.468.545	395.555.555

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***25. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2025	30/9/2024
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng hóa, thành phẩm	1.213.897.842.741	1.417.648.975.431
▪ Bán phế liệu	10.739.857.161	9.947.311.245
	1.224.637.699.902	1.427.596.286.676
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	306.332.400	393.013.050
Doanh thu thuần	1.224.331.367.502	1.427.203.273.626

26. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2025	30/9/2024
	VND	VND
▪ Hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.142.092.565.356	1.321.172.225.189
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	2.380.042.595	610.019.127
	1.144.472.607.951	1.321.782.244.316

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30/9/2025 VND	30/9/2024 VND
Lãi tiền gửi	536.864.228	3.053.539.449
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	882.995.930	4.685.450.614
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.789.105	-
	1.421.649.263	7.738.990.063

28. Chi phí tài chính

	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30/9/2025 VND	30/9/2024 VND
Chi phí lãi vay	2.584.897.485	5.940.496.441
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	15.343.530	293.544.526
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	7.831.940
	2.600.241.015	6.241.872.907

29. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30/9/2025 VND	30/9/2024 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.653.668.827	2.513.300.608
Chi phí nhân viên	4.793.713.240	6.633.378.244
Vật liệu và dụng cụ	207.339.639	335.877.462
Chi phí bán hàng khác	318.464.084	386.532.064
	7.973.185.790	9.869.088.378

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***30. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2025	30/9/2024
	VND	VND
Chi phí nhân viên	6.092.773.754	4.786.782.841
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.441.206.595	1.092.636.969
Chi phí khấu hao và phân bổ	572.325.360	604.992.476
Chi phí dụng cụ, thiết bị văn phòng	476.416.031	400.886.945
Thuế, phí và lệ phí	35.895.566	371.968.004
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.188.560.506	1.718.212.725
	9.807.177.812	8.975.479.960

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2025	30/9/2024
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.010.807.284.171	1.187.727.686.830
Chi phí khấu hao và phân bổ	84.453.097.092	95.658.692.517
Chi phí nhân viên	41.372.570.025	35.707.096.359
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.779.548.709	15.267.315.796
Chi phí khác	4.192.677.277	4.139.862.296

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***32. Thuế thu nhập doanh nghiệp****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2025	30/9/2024
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Kỳ hiện hành	15.145.765.692	17.020.619.392
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	4.274.335	960.608.944
	15.150.040.027	17.981.228.336
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	(471.175.523)	(165.797.131)
	14.678.864.504	17.815.431.205

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2025	30/9/2024
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	61.191.948.274	85.183.864.804
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	12.238.389.655	17.036.772.961
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.436.200.514	745.904.243
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	4.274.335	960.608.944
Điều chỉnh khác	-	(927.854.943)
	14.678.864.504	17.815.431.205

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật Thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cho Nhà nước với mức thuế suất là 20% lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Giai đoạn chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2025	30/9/2024
	VND	VND
		(Điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	46.513.083.770	67.368.433.599
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(4.787.838.972)	(4.633.499.997)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	-	(388.627.921)
Trích quỹ công tác xã hội (*)	(398.520.000)	(354.426.300)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	41.326.724.798	61.991.879.381

(*) Số trích vào trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ công tác xã hội được ước tính dựa vào số kế hoạch được phê duyệt bởi các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

(**) Số trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 được điều chỉnh lại dựa trên số trích thực tế theo sự phê duyệt của các cổ đông tại Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 đã được điều chỉnh lại thành 1.378 VND/cổ phiếu do điều chỉnh số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (theo báo cáo trước đây: 1.389 VND/cổ phiếu).

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 và ngày 30 tháng 9 năm 2024. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 45.000.000 cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi**Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính Quý 3, trong kỳ Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30/9/2025 VND	30/9/2024 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	2.269.367.944.810	2.588.867.301.545
Doanh thu khác	781.532.040	146.528.373
Mua nguyên vật liệu	886.805.711.223	974.028.183.550
Cổ tức đã trả	29.950.000.000	44.925.000.000
Các bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây		
Cổ tức đã trả	1.166.667.000	1.750.000.500
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Miền Trung		
Mua hàng hóa	926.959.500	491.081.650
Công ty TNHH Một Thành Viên Tập Đoàn Bia Sài Gòn		
Mua hàng hóa	352.910.150	241.240.680
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Sông Lam		
Bán hàng hóa	452.400.000	549.100.000
Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây		
Mua hàng hóa	153.824.000	149.564.000
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	133.527.777	173.051.077
Công ty TNHH Cơ khí Sa Be Co		
Mua hàng hóa	1.284.538.000	-
Mua dịch vụ	90.850.000	219.419.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Cho thuê Pallet	166.023.133	-
Chi phí sử dụng vỏ chai. Pallet	2.395.826	12.239.193

Giá trị giao dịch

Thuyết minh báo cáo tài chính Quý 3 kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2025 (tiếp theo)

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Thông tin so sánh

Ngài trừ lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh như được trình bày ở Thuyết minh 33, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024. Thông tin so sánh cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính Quý 3 của Công ty tại ngày và cho giai đoạn chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2024.

Người duyệt:

[Signature]

Bùi Thị Nhựt
Giám đốc


Võ Thanh Cường
Kế toán trưởng